TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Trấn
2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Anh Trần Võ Minh V,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn**: **Chị Phạm Thị Thu Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Võ Minh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thu Th kết hôn vào năm 2006, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khi sinh con được 03-04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Th tại ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre sinh sống. Anh và chị Th đã ly thân từ cuối năm 2006 cho đến nay. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng giữa

anh với chị Th không còn nên anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh V và chị Th có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 08/7/2006. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị Thảo nuôi con, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phạm Thị Thu Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th thống nhất lời trình bày của Trần Võ Minh V về thời gian chị và anh V kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như anh V trình bày là đúng. Trong thời gian chị Th và anh V chung sống thì vợ chồng chị có xảy mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không lo cho gia đình. Chị Th đã bỏ về cha mẹ ruột của chị Th sống từ tháng 11/ 2006 và cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân đến nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Nay anh V xin ly hôn chị Th không đồng ý ly hôn. Chị mong muốn vợ chồng hàn gắn lại. Trường hợp anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Thảo mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi thì chị Th đồng ý ký tên ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 08/7/2006. Chị Th không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Th đồng ý nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng là 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay anh V làm công việc lao động tự do, bình quân thu nhập của anh V mỗi tháng bao nhiêu chị Th không biết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Trong thời gian chung sống, chị Th và anh V đều thống nhất có phát sinh mâu thuẫn. Chị Th cũng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị Th tại ấp A, xã D, hyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để sinh sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2006 cho đến nay. Xét thấy: Chị Th và anh V có thời gian ly thân dài nhưng cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh V đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V. Về con chung: Anh V và chị Th có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 08/7/2006. Hiện nay chị Th là người trực tiếp nuôi cháu Ng. Khi ly hôn anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Th đồng ý nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng là 3.000.000đồng. Xét thấy: Từ khi anh V, chị Th ly thân đến nay cháu Ng do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản hỏi ý kiến con cháu Ng có nguyện vọng sống với chị Th. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu Ng về mọi mặt đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; chị Th yêu cầu anh

V cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tuy nhiên anh V không đồng ý. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con do anh V và chị Th thỏa thuận. Tuy nhiên cả hai không thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức cấp dưỡng con cho chị thảo mỗi tháng từ 1.000.000 đến 1.500.000đồng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị Th cùng thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Trần Võ Minh V với chị Phạm Thị Thu Th là tranh chấp về ly hôn, bị đơn chị Th hiện đang cư trú tại xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Võ Minh V và chị Phạm Thị Thu Th kết hôn vào năm 2006, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2006 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Th và anh V thừa nhận cả hai đã sống ly thân từ tháng 11/2006 cho đến nay.Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh V và chị Th nhưng vẫn không có kết quả. Anh V vẫn kiên quyết ly hôn với chị Th. Tại biên bản xác minh vào ngày 11/3/2022 của Tòa án đã xác định được, anh V và chị Th trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, chị Th cũng đã không còn sống chung với anh V từ tháng 11/2006 đến nay; xét kết quả xác minh này phù hợp với lời khai của anh V và chị Th. Tại phiên tòa anh V yêu cầu ly hôn với chị Th. Tuy nhiên chị Th không đồng ý và có lời trình bày nếu anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi thì chị Th đồng ý ly hôn. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V.

[3] Về nuôi con chung: Anh V và chị Thảo có 01 con chung tên Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 08/7/2006 . Hiện nay con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn anh V đồng ý để chị Th nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho chị Th là 1.000.000đồng . Chị Th đồng ý nuôi con và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Xét thấy: Từ khi chị Th và anh V sống ly thân cháu Ng sống với chị Th, khi tiến hành hỏi ý kiến cháu Ng có nguyện vọng sống với chị Th. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu Ng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Tuy nhiên anh V, chị Th không

thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy cả chị Thảo, anh V trình bày hiện nay anh Vũ làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định. Căn cứ theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng nuôi con của người không không có thu nhập ổn định chỉ bằng ½ mức lương cơ bản do nhà nước quy định. Tại phiên tòa anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Thảo mỗi tháng là 1.000.000đồng nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chi Th thống nhất anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Võ Minh V được ly hôn với chị Phạm Thị Thu Th.

2. Về nuôi con chung: Chị Th được quyền nuôi con chung là Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 08/7/2006. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Thảo mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi cháu Nguyên đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sảnchung, nợ chung: Anh V và chị Th cùng thống nhất anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh V phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền án phí anh V phải chịu là 600.000đồng (Sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001330 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; anh V còn phải nộp số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh